TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2024
V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Xuân Vũ**
Bà Trần Thị Châm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28-11-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-9-2024 và Bản tự khai ngày 14-10-2024, nguyên đơn là chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Lý Văn C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L ngày 28-11-2013. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Lý Văn C mải chơi, hay rượu chè nên dẫn đến thường xuyên cãi cọ. Nên hai người đã sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy chị Lý Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lý Văn C.

Về con chung, chị Lý Thị T xác định giữa hai người có 02 con chung là cháu Lý Thị Thúy Đ - Sinh ngày 12-7-2013 và cháu Lý Anh T1 - Sinh ngày 26-7-2015.

Hiện nay hai cháu đang sống, học tập cùng anh Lý Văn C và gia đình ông Lý Văn L, bà Trương Thị T2*(Là ông bà nội)* tại Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Lý Thị T đề nghị giao cả hai cháu cho anh Lý Văn C nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 23 tháng 10 năm 2024, ông Triệu Kim B - Trưởng Thôn X, xã T, huyện L cung cấp nội dung:

Chị Lý Thị T và anh Lý Văn C đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống tại Thôn X, xã T, huyện L. Hai người xảy ra mâu thuẫn là do chị Lý Thị T đi làm ăn xa, anh Lý Văn C ở nhà chán nản nên hay rượu chè. Hai người có hai con chung là Lý Thị Thúy Đ và Lý Anh T1. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Lý Văn C và ông Lý Văn L, bà Trương Thị Tong. Hiện nay chị Lý Thị T đang đi làm ăn xa, anh Lý Văn C làm công nhân có thu nhập 8.000.000 đồng/01 tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 06-11-2024: Cháu Lý Thị Thúy Đ xác nhận đang sinh sống cùng ông bà nội tại Thôn X, xã T, huyện L. Cháu đề đạt nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Lý Anh T1 xác nhận đang sinh sống cùng ông bà nội tại Thôn X, xã T, huyện L. Cháu đề đạt nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng cho anh Lý Văn C. Nhưng anh Lý Văn C không có mặt theo triệu tập. Nên không có lời khai.

Ngày 11-11-2024, Toà án nhân dân huyện L tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do anh Lý Văn C vắng mặt và chị Lý Thị T có đơn từ chối hoà giải nên phiên họp không thể tiến hành được.

Ngày 10-12-2024, chị Lý Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã trình bày tại bản tự khai.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên toà: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đề nghị xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời khai do các đương sự cung cấp, nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc nguyên đơn đề nghị bị đơn nuôi con chung phù hợp với thực tế hiện nay cháu đang sinh sống cùng bị đơn. Qua xác minh đã xác định được hiện nay nguyên đơn đang đi làm ăn xa, không ở địa phương nên điều kiện nuôi con không được đảm bảo. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao cả hai con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Do bị đơn không tham gia tố tụng, không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Toà án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L cấp ngày 28-11-2013. Thể hiện việc kết hôn giữa anh Lý Văn C và chị Lý Thị T là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2023, do không thể hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân. Lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân của vợ chồng phù hợp với nội dung do Trưởng Thôn X, xã T cung cấp. Nên có đủ căn cứ để khẳng định hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho chị Lý Thị T ly hôn với anh Lý Văn C.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các giấy khai sinh, thể hiện: Chị Lý Thị T và anh Lý Văn C có 02 con chung là cháu Lý Thị Thúy Đ - Sinh ngày 12-7-2013 và cháu Lý Anh T1 - Sinh ngày 26-7-2015. Cháu Lý Thị Thúy Đ có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Lý Anh T1 có nguyện vọng được ở với bố. Qua xác minh tại cơ sở, thể hiện: Hiện nay chị Lý Thị T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, anh Lý Văn C cũng đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về gia đình và có thu nhập ổn định. Các cháu hiện nay đang sinh sống, học tập ổn định cùng bố và ông bà nội tại xã T. Chị Lý Thị T cũng có nguyện vọng giao các cháu cho anh Lý Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của các cháu được chăm sóc, giáo dục và phát triển tốt nhất, tránh sự thay đổi môi trường sinh sống, học tập của các cháu. Cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T, giao cả hai cháu cho anh Lý Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Do chị Lý Thị T đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Lý Văn C không tham gia tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Lý Văn C có quyền khởi kiện để yêu cầu chị Lý Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lý Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn với anh Lý Văn C.

2. Về con chung: Giao các cháu Lý Thị Thúy Đ - Sinh ngày 12-7-2013 và cháu Lý Anh T1 - Sinh ngày 26-7-2015 cho anh Lý Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lý Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001226 ngày 15-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Lý Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T, anh Lý Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã T
- Lưu: Hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Dũng